

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HSST

Ngày: 29 - 6 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhân,

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Văn Thị Thu Hiền,

Ông Nguyễn Văn Ba.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Thế Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2018/HSST ngày 04 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXX-ST ngày 18 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo: Phạm Văn K, tên gọi khác: Q; sinh ngày 06 tháng 02 năm 1983; nơi sinh và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn G (Đã mất) và bà Phạm Thị M, có vợ Nguyễn Thị H, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22 tháng 12 năm 2017, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị H, địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

2. Ông Hoàng Nam S, địa chỉ: Tổ dân phố S, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 22/12/2017, Phạm Văn K đang sửa điện thoại tại quầy điện thoại di động T, ở đường H, thị trấn Q thì gặp một người bạn cũ tên H (Đ) ở thành phố Đ. Sau khi gặp, H đã nhờ Phạm Văn K tới khoảng 17 giờ đến 21 giờ cùng ngày đến khu vực ngã ba V để lấy ma túy từ một người tên H ở QT đưa, sau đó cất giữ rồi đưa lại cho H tại quốc lộ 1A tuyến đường tránh thành phố Đ thuộc địa phận thị trấn Q. Khoảng 19 giờ, Phạm Văn K mượn xe mô tô BKS 73N7-8059 của vợ đi từ nhà ở thôn T, xã V ra khu vực ngã ba V đường vào thôn T, cách khoảng 100m thì gặp H, H đã đưa cho K 01 (một) túi ni lon bên trong có chứa 03 túi (ba) nilon màu xanh, bên trong có chứa nhiều viên nén ma túy tổng hợp và 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng). Sau khi lấy ma túy và tiền xong, K đã giấu vào người và điều khiển xe mô tô chạy đến gần giữa cầu Q thì gặp tổ công tác của Công an tỉnh Quảng Bình và Công an huyện Quảng Ninh phối hợp bắt giữ.

Khi bắt quả tang, cơ quan điều tra đã thu giữ: 605 (sáu lẽ năm) viên nén dạng thể rắn, trên mặt các viên có chữ WY (trong đó có 599 viên nén màu hồng, 6 viên nén màu xanh); 01 điện thoại di động Nokia đã qua sử dụng; 01 điện thoại Samsung đã qua sử dụng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 73N7-8059 và 9.200.000đ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Tại Bản kết luận giám định số 57/GĐ-PC54 ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: Mẫu ký hiệu A gửi giám định là Methamphetamin, khối lượng 64,4g (Sáu mươi bốn phẩy bốn gam). Methamphetamin (+ - (S) – N – a – dimethylphenethylamine) nằm trong danh mục các chất ma túy. Số thứ tự: 67, danh mục II, Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

Tại Bản cáo trạng số 06A/THQCTKSĐT-MT ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo Phạm Văn K về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Văn K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, đúng như nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh đã truy tố.

Bị cáo Phạm Văn K khai, do quen biết với H nên H nhờ K nhận ma túy từ một người tên H, sau khi nhận xong K trên đường mang sang cho H thì bị bắt; K chỉ biết H, H nhưng không biết họ, địa chỉ, không có cơ sở xác định được lai lịch và chỗ ở của đối tượng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh giữ quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật phát biểu quan điểm, luận tội chứng minh bị cáo Phạm Văn K đã thực hiện hành vi phạm tội vận chuyển trái phép chất ma túy loại Methamphetamin, khối lượng 64,4g gam. Cáo trạng truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt Phạm Văn K mức án tù 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù; áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy vật chứng 56,637 gam ma túy loại

Methamphetamin đã được niêm phong; tịch thu sung công quỹ số tiền 1.600.000đ; trả lại cho Phạm Văn K 02 điện thoại di động Nokia và Samsung.

Bị cáo Phạm Văn K nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát và lời luận tội của Kiểm sát viên, hối hận về hành vi phạm tội của mình, tỏ thái độ ăn năn hối cải, quyết tâm từ bỏ sử dụng ma túy, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật; xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, sớm trở về hòa nhập cộng đồng, làm công dân lương thiện, có điều kiện chăm lo, giúp đỡ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Ninh, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo thống nhất phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và quá trình diễn biến của vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 22/12/2017, bị cáo Phạm Văn K có hành vi vận chuyển 64,4gam ma túy loại Methamphetamin di chuyển trên xe mô tô đưa sang đường tránh thành phố cho một người tên H thì bị bắt quả tang. Hành vi của Phạm Văn K thuộc lỗi cố ý, bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện trước ngày 01-01-2018, do đó vụ án được xét xử theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 37/2009/QH12). Tại điểm m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: *“Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: m) các chất ma túy ở thể rắn có trọng lượng từ hai mươi gam đến dưới một trăm gam”*. Hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy của bị cáo Phạm Văn K thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội vận chuyển trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Hành vi phạm tội của bị cáo gây lo lắng, hoang mang cho nhân dân trước tình hình an ninh trật tự trên địa bàn diễn biến phức tạp. Do đó, cần phải nghiêm khắc xử lý trách nhiệm hình sự, tương ứng với tính chất vụ án, tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo về tội danh, khung hình phạt như trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải; Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Ninh có văn bản số 243 ngày 28 tháng 6 năm 2018 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K vì đã tích cực giúp đỡ Cơ quan điều tra trong việc phát hiện, điều tra tội phạm nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p, q khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; mẹ bị cáo là người có công được hưởng chính sách như thương binh, được tặng kỷ niệm chương thanh niên xung phong, kỷ niệm chương chiến sỹ Trường Sơn là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Từ những phân tích trên, xét thấy cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải tạo, sớm trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Theo lời khai của bị cáo Phạm Văn K đã gặp H (Đ), sau đó H nhờ K đi nhận ma túy từ H cho H nhưng không có cơ sở xác định lai lịch và chỗ ở của các đối tượng này nên không có căn cứ xử lý.

[5] Về vật chứng vụ án: Khối lượng chất ma túy thu giữ trong vụ án là vật cấm tàng trữ, lưu hành do đó cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia và 01 điện thoại Samsung bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 xe máy BKS 73N7-8059 của chị Nguyễn Thị H mua của ông Hoàng Nam S đã có giấy tờ mua bán nhưng chưa làm thủ tục sang tên, đây là tài sản của chị Nguyễn Thị H, bị cáo K mượn xe của chị H nhưng không nói là đi vận chuyển ma túy; số tiền 7.600.000đ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam của chị H nhờ bị cáo trả cho Ngân hàng nhưng chưa trả nên cơ quan điều tra đã lại cho chị H là đúng theo quy định tại a và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 1.600.000đ do H đưa cho K khi nhận ma túy, đây tiền công vận chuyển ma túy nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Văn Kiên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 269; điểm g khoản 2 Điều 260; khoản 1 Điều 298; khoản 1, 4 Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn K phạm “*Tội vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm m khoản 2 Điều 194, điểm p, q khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Phạm Văn K 07 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 22 tháng 12 năm 2017).

2. Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm a, b khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy vật chứng là 56,637 gam (năm sáu phẩy sáu ba bảy gam) ma túy Methamphetamine đã được niêm phong số 57/GĐ-PC54; trả lại 01 điện thoại di động hiệu Nokia và 01 điện thoại di động hiệu Samung cho bị cáo Phạm Văn Kiên; tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng). Tất cả vật chứng, tài sản trên có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Ninh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh ngày 29/3/2018.

3. Án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Văn K phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Công an huyện Quảng Ninh;
- Bị cáo;
- Những người TGTG khác;
- Chi cục THA huyện Quảng Ninh;
- Cơ quan THAHS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan THAHS tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA